

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG
THIÊN LONG NINH THUẬN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 10 /TLNT-CB

Khánh Hòa, ngày 03 tháng 05 năm 2026.

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa;
- Chủ Đầu tư; Ban quản lý dự án; Tư vấn thiết kế; Tư vấn
giám sát; Nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia
hoạt động xây dựng.

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

- Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty
TNHH Xây dựng Thiên Long Ninh Thuận.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số doanh nghiệp 4500597737
đăng ký lần đầu ngày 01/9/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 29/9/2025 do
Phòng Quản lý doanh nghiệp Sở Tài chính Khánh Hòa cấp;

- Địa chỉ: Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An, tỉnh Khánh
Hòa.

- Điện thoại: 0949.536128

- Email: thienlongninhthuan@gmail.com.

2. Thông tin Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: (chỉ ghi thông tin Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

- Tên Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Trung tâm kiểm định và thí
nghiệm VLXD Thiên Long LAS - XD 1075

- Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm: Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường
Bảo An, tỉnh Khánh Hòa.

- Điện thoại: 0949.536128.

- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây
dựng tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	XI MĂNG				
1	Độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng xi măng; Cân điện tử. (Và sử dụng các dụng cụ, thiết bị khác).	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	- Máy trộn vữa xi măng E093; Khuôn đúc mẫu xi măng; Máy thử độ bền nén TYE – 300.		
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	- Máy dần tạo mẫu xi măng YGM12168; Kim Vika xi măng E055N.		
II	HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG				
5	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An cân thử độ sụt bê tông; Thước lá kim loại. Đồ hồ bấm giây.	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	
6	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:2022	- Thùng đóng bằng kim loại; Thanh đầm; Cân đĩa điện tử.		
7	Xác định độ tách nước, tách vữa	TCVN 3109:2022	- Bình bơm khí 4 lít có gắn đồng hồ đo áp suất; Bình đựng mẫu tiêu chuẩn; Giấy lọc đường kính D85mm-100g/m ² ; Rây sàng; Ron cao su; Ống đóng 10ml/0.2ml; Ca xúc mẫu bằng inox; Khung giá đỡ.		
8	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	- Cân đĩa điện tử; Bình tràn 650 ml, bằng nhựa trong; Cốc nhựa 200 ml; Ống đóng loại 250 ml; vật		

			không thấm nước.		
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Thùng chứa; Dụng cụ đỡ mẫu, giấy thấm hoặc giấy lọc; Cân kỹ thuật điện tử; Đồng hồ bấm giây; Máy cắt làm mát bằng nước; Buồng khí hậu, tủ sấy và bình hút ẩm; Hộp chứa; Thước kẹp.		
10	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022	- Cân; Thước kẹp; Cát mài; Máy mài		
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022	- Khuôn đúc mẫu bê tông; Cân kỹ thuật điện tử.		
12	Xác định độ chống thấm	TCVN 3116:2022	- Máy thử độ chống thấm; khuôn đúc mẫu; bàn chải sắt.		
13	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022	- Máy nén; đệm truyền tải; thước đo; thước góc; đồng hồ đo thời gian.		
14	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	- Máy nén; đệm truyền tải; thước đo.		
15	Xác định giới hạn chịu kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022	- Máy nén; gối truyền tải; tấm đệm bằng gỗ.		
16	Xác định thời gian đông kết của bê tông	TCVN 9338:2012	- Nhiệt kế; Que chọc; Sàng; Khuôn chứa mẫu thử		
III	THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA				
17	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:06	- Cân kỹ thuật; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng tiêu chuẩn; máy lắc sàng; tủ sấy.	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	
18	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:06	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; bình dung tích; thùng ngâm mẫu; khăn thấm nước mềm và khô; khay chứa bằng vật liệu không gỉ; côn thử độ sụt của cốt liệu bằng thép không gỉ; phễu chứa; Phòng Las-XD 1075; Đường		

			Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sà; bình hút ẩm; que chọc kim loại.		
19	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:06	- Cân kỹ thuật; Cân thủy tĩnh; giỏ đựng mẫu; Thùng ngâm mẫu; Khăn thấm nước mềm và khô; thước kẻ; Bàn chải sắt; Tủ sấy.		
20	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:06	- Thùng đựng bằng kim loại; cân kỹ thuật; phễu chứa vật liệu; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng tiêu chuẩn; tủ sấy; thước lá kim loại; thanh gỗ thẳng.		
21	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7:06	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; dụng cụ đào mẫu (thìa hoặc dao).		
22	Xác định hàm lượng bụi bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:06	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; thùng rửa cốt liệu; đồng hồ bấm giây; tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng; que hoặc kim sắt nhỏ.		
23	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:06	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh; cân kỹ thuật; bếp cách thủy; sàng có kích thước lỗ 20 mm; thang màu; thuốc thử: NaOH dung dịch 3%; tananh dung dịch 2%; rượu êtylic dung dịch 1 %.		
24	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:06	- Máy nén thủy lực; máy khoan và máy cưa đá; máy mài nước; thước kẻ; thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.		
25	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:06	- Máy nén thủy; xi lanh bằng thép, cân kỹ thuật; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân		

			Sơn 2, phường Bảo An sàng; tủ sấy; thùng ngâm mẫu.		
26	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn	TCVN 7572-12:06	- Máy Los Angeles; bi thép, cân kỹ thuật; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng, tủ sấy.		
27	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:06	- Cân kỹ thuật; thước kẹp cải tiến; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng tiêu chuẩn; tủ sấy.		
28	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:06	- Cân kỹ thuật; tủ sấy; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng; kim sắt và kim nhôm; búa con.		
29	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:06	- Cân kỹ thuật, kính lúp.		
30	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:06	- Cân phân tích; tủ sấy; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng; giấy nhám; đĩa thủy tinh.		
31	Xác định hệ số ES	AASHTO T176:90	- Ống hình trụ chia độ bằng nhựa, nút cao su, ống phun tia nước, đế nặng và xi phông, dung dịch canxi clorua.		
IV	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT				
32	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012	- Nước cất; Dầu hoả; Cân kỹ thuật; Bình tỷ trọng; Cối sứ và chày sứ; Rây có lưới; Bếp cát; Tủ sấy; Bơm chân không; Tỷ trọng kế; Phễu nhỏ; Thiết bị ổn nhiệt; Cốc nhỏ hoặc hộp nhôm có	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	

			nắp.		
33	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	- Tủ sấy; Cân kỹ thuật; Bình hút ẩm có Canxi clorua; Cốc nhỏ; Rây có đường kính lỗ 1 mm; Cốc sứ và chày sứ có đầu bọc cao su; Khay men.		
34	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	- Rây với kích thước lỗ 1 mm; Cối sứ và chày; Bình thủy tinh có nắp; - Cân kỹ thuật; Cốc nhỏ bằng thủy tinh; Tủ sấy; Bát sắt tráng men; Dao để nhào trộn.		
35	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Máy sàng lắc; Nhiệt kế; Bình hút ẩm có chất hút ẩm silicagel khan; Thiết bị nghiền đất: cối và chày sứ; Khay đựng đất; bát men hoặc sứ; Các dụng cụ khác như: xẻng, muôi, bát, bàn chải cứng, bàn chải mềm, chày hoặc con lăn bằng gỗ; Nước sạch; Bình phun tia; Dụng cụ để thí nghiệm xác định độ ẩm.		
36	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012	- Cối đầm, búa và cần dẫn búa; cân kỹ thuật; sàng có lỗ 5 mm; bình phun nước; tủ sấy; bình hút ẩm có Canxi clorua; hộp nhôm; dao gọt đất; khay để trộn đất; vải để phủ đất; vò để đập vỡ đất cục; cối sứ và chày bọc cao su để nghiền đất.		
37	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 4202:2012	- Dao vòng; thước cặp; dao cắt; cân kỹ thuật; các tấm kính;		

			dụng cụ để xác định độ ẩm: hộp nhôm; tủ sấy; bình hút ẩm.		
38	Thí nghiệm sức chịu tải của đất CBR trong phòng thí nghiệm	22TCN 332:2006	- Máy nén; đồng hồ đo biến dạng; cối (khuôn) CBR; tấm đệm; chày đầm; dụng cụ đo độ trương nở; tấm gia tải; bể ngâm mẫu; tủ sấy; cân kỹ thuật; sàng; dụng cụ tháo mẫu; Các dụng cụ khác: giấy lọc, hộp đựng mẫu ẩm, chảo trộn, muối xúc, thanh thép cạnh thẳng để hoàn thiện bề mặt mẫu.		
39	Đầm nén đất, đá dăm trong phòng thí nghiệm	22TCN 333:2006	- Cối, chày đầm; tủ sấy; cân kỹ thuật; sàng; dụng cụ tháo mẫu; Các dụng cụ khác.		
40	Xác định hệ số thấm K	TCVN 8723:2012	- Dao vòng chứa mẫu đất thí nghiệm; thiết bị thí nghiệm thấm đầu nước thay đổi (hộp thấm); thiết bị và dụng cụ xác định độ ẩm của đất; thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích đất kết cấu nguyên trạng; Dụng cụ để nghiền rời đất kết cấu bị phá hủy: tấm cao su; chày gỗ; cối bằng sứ; sàng; nhiệt kế; Đồng hồ bấm giây; thước cặp; cân kỹ thuật; nước cất; dao cắt đất; dao gạt phẳng, khay đựng đất, muối xúc đất.		
41	Đất, đá dăm dung trọng công trình giao thông - đăm nén PROCTOR	TCVN 12790:2020	- Cối Proctor; cân kỹ thuật; dao gạt đất; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sà; cùn đốt; ống đong nước.		

V	THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
42	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; 8728:2012 8729:2012 8730:2012	- Dao đai, cối Proctor; cân kỹ thuật; dao gạt đất; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sà; cồn dốt; ống đong nước.	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
43	Độ ẩm; khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22 TCN 346:06 8729:2012	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An phểu rót cát; Cát chuẩn; Cân; Tủ sấy; Sàng; Các loại dụng cụ khác	
44	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thuộc 3m	TCVN 8864:11	- Thước thẳng; Con nôm; Chổi để quét sạch mặt đường, dụng cụ hướng dẫn giao thông (biển báo, côn dẫn hướng, ...)	
45	Phương pháp thử nghiệm xác định modul đàn hồi "E" bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	- Hệ thống chất tải; Kích thủy lực; Đồng hồ đo biến dạng; Giá đỡ đồng hồ đo biến dạng; Cát khô, sạch; Thước ni vô	
46	Xác định modun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011; AASHTO T256-77; ASTM D4685-96	- Cần đo võng Benkelman; Xe đo võng; Vật chất tải	
47	Kiểm tra độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:11; ASTM E 965-96	- Cát tiêu chuẩn; Ống đong cát thể tích 25cm ³ ; Bàn xoa	
48	Cọc – Phương pháp thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	- Hệ gia tải gồm kích, bơm và hệ thống thủy lực; Tấm đệm đầu cọc và đầu kích bằng thép bản; Hệ đo đặc quan trắc; Đồng hồ đo áp lực	
49	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm	TCVN 9335:2012	- Máy đo siêu âm; Súng bật nảy	

	và súng bật nảy để xác định cường độ nén của bê tông				
50	Xác định cường độ bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9335:2012	- Súng bật nảy		
51	Xác định khả năng chịu tải và khả năng chống thấm của cống tròn	TCVN 9113:2012	- Kính lúp có độ phóng đại từ 5 lần đến 10 lần; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An trước căn lá để kiểm tra vết nứt, độ dày của các lá căn (0,05 , 1,00) mm; Thước kẹp; Thước thép hoặc thước thép cuộn có khả năng đo độ dài 1 m, độ chính xác 1 mm; Thước thép dài (300 , 500) mm, độ chính xác đến 1 mm		
52	Xác định khả năng chịu tải và khả năng chống thấm của Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012	- Thước kẹp có độ chính xác đến 0,1 mm; Thước căn lá thép dày 0,1 mm; Kính lúp có độ phóng đại từ 5 lần đến 10 lần; Thước dây, thước kim loại hoặc thước nhựa dài 1 m, độ chính xác đến 1 mm		
53	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012	- Thiết bị đo điện trở		
54	Xác định độ thấm nước của đất bằng phương pháp đo nước hồ đào, hồ khoan	TCVN 8731:2012	- Thước đo; Van điều chỉnh; Quai liên kết; Vòm ôm ống đo		
VI	THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG				
55	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2003; ASTM C1437:07; EN 1015-3,4:99	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam; thước kẹp có độ chính xác tới 0,1mm	- Lê Thanh Sảng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại;	
56	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3121-6:2003; EN 445:07; EN1015-	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam; Bình đong bằng kim	- Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	

	của vữa tươi	6:99	loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm		
57	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2003	- Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít		
58	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-11:03; ASTM C109- 11b;EN 445:07;EN 1015-11:99	- Khuôn đúc mẫu vữa; Chày đầm mẫu; Máy nén thủy lực		
59	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2003	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sáng; Cân; Tủ sấy		
60	Lớp phủ mặt kết cấu xây dựng – Phương pháp kéo đứt thử độ dính bám nền	TCVN 9349:2012	-Bàn kẹp; đĩa nhôm		
61	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	TCVN 3121-18:2003; ASTM C1218:99; EN 1015-18,19:02	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Tủ sấy có Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An phạm điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; Thùng ngâm mẫu.		
VII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH ĐÁT SÉT NUNG				
62	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	- Thước đo	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	
63	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	- Máy nén thủy lực; máy cắt mẫu; thước đo		
64	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	- Máy thử uốn; thước đo		
65	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; Bể ngâm mẫu		
66	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; thước đo		
67	Xác định độ	TCVN 6355-	- Thùng chứa mẫu;		

	rỗng	6:2009	Cân kỹ thuật	
VIII	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG			
68	Xác định độ thấm nước	TCVN 6477:2016	- Thước lá; thước lá	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
69	Xác định kích thước hình học và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6477:2016	- Thước đo	
70	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6477:2016	- Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm; Máy nén	
71	Xác định độ rỗng	TCVN 6477:2016	- Cân kỹ thuật; thước đo; cát khô	
72	Xác định độ hút nước	TCVN 6477:2016	- Máy thử độ thấm	
IX	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH BÊ TÔNG TỰ CHÈN			
73	Xác định độ mài mòn	TCVN 6476:1999	- Thước lá; tấm kính; máy nén; bay; chảo	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
74	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6476:1999	- Thước đo	
75	Xác định cường độ nén	TCVN 6476:1999	- Thước lá thép có vạch chia đến 1 mm; Máy nén	
76	Xác định độ hút nước	TCVN 6476:1999	- Tủ sấy tới 200oC; Cân kỹ thuật; Thùng chứa mẫu	
X	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH TERAZO			
77	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744:2013	Thước đo	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
78	Xác định cường độ uốn	TCVN 7744:2013	Thước lá kim loại; Máy thử uốn	
79	Xác định độ hút nước; độ mài mòn lớp mặt;	TCVN 7744:2013	Thước đo, thước cặp kim loại, chính xác đến 0,01mm; Cân kỹ thuật, chính xác đến 0,1g; Tủ sấy; Máy mài; vật liệu mài	
XI	THỬ NGHIỆM CƠ LÝ THÉP XÂY DỰNG			
80	Thử kéo	TCVN 197-1:2014	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại;
81	Thử uốn	TCVN 198:2008	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	

82	Thử kéo mỗi hàn kim loại	TCVN 5403:2010	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	- Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
83	Thử kéo Bulong, vít, vít cấy và đai ốc	TCVN 1916-1995	- Máy thủy lực hiệu YINGJUNGWE1000; Thước kẹp.	
84	Kiểm tra chất lượng mỗi hàn – Thử uốn	TCVN 5401:2010	- Thước kẹp; thước lá; Máy gia công nhiệt, Cưa; Mài	
85	Kiểm tra chất lượng hàn ống – Thử nén dẹt	TCVN 5402:2010	- Thước kẹp; thước lá; Máy gia công nhiệt, Cưa; Mài	
86	Thử kéo mỗi hàng kim loại	TCVN 5403:2010	- Máy kéo; -Thước kẹp; thước lá;	
XII	BÊ TÔNG NHỰA			
87	Thiết kế thành phần tỷ phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011	- Máy nén, Máy đầm Marshall; Máy ly tâm; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An thiết bị hút chân không và bình chứa mẫu; Dụng cụ xác định tỷ trọng của cốt liệu thô, cốt liệu mịn; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng lưới thép mắt vuông; Dụng cụ xác định giới hạn chảy, giới hạn dẻo; Dụng cụ xác định chỉ tiêu cát tương đương ES; Máy khoan mẫu; Các dụng cụ khác: cân kỹ thuật, tủ sấy, nhiệt kế; các dụng cụ để lấy mẫu, chia mẫu, xúc mẫu, khay 11dụng mẫu, chảo trộn	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
88	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	-Máy nén Marshall; thiết bị đo lực; Đồng hồ đo biến dạng; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An khuôn đúc mẫu; Búa đầm bằng kim loại;; Dụng cụ tháo mẫu;	

			Thiết bị trộn BTN; Thiết bị gia nhiệt; Bể ồn nhiệt; Cân kỹ thuật; Thước kẹp		
89	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860- 2:2011	- Máy quay ly tâm; Giấy lọc; Tủ sấy; Bếp điện; Lò nung; Khay đựng mẫu; Cân kỹ thuật; Ống đông; Bình hút ẩm; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang phòng độc...		
90	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860- 3:2011	- Sử dụng Phòng Las- XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng mắt vuông; Tủ sấy có Phòng Las- XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An phân điều chỉnh nhiệt độ đảm bảo nhiệt độ sấy ổn định; Cân kỹ thuật; Máy lắc sàng		
91	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860- 4:2011	- Bình đựng mẫu; Cân; Máy hút chân không; Bình lọc hơi nước; Nhiệt kế; Tủ sấy.		
92	Xác định tỉ trọng khối, khối lượng thể tích cả bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860- 5:2011	- Cân; Bể nước; Tủ sấy; Nhiệt kế		
93	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860- 6:2011	- Tủ sấy có thông gió; Rọ đựng mẫu; Cân; Dụng cụ trộn		
94	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860- 7:2011	- Ống đông; Phễu; Giá đỡ; Tấm kính; Dao gạt bằng thép; Cân		
95	Xác định độ hệ số độ lu lèn	TCVN 8860- 8:2011	- Cân; Nhiệt kế; Rọ đựng mẫu; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kìm, găng tay và khẩu trang		

			phòng độc...	
96	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kim, găng tay và khẩu trang phòng độc...	
97	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kim, găng tay và khẩu trang phòng độc...	
98	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	- Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kim, găng tay và khẩu trang phòng độc...	
99	Xác định độ ổn định của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	- Bể ổn nhiệt; Cân; Khay; Các dụng cụ phụ trợ: chổi lông, dao trộn, kim, găng tay và khẩu trang phòng độc...	
XIII	THỬ NGHIỆM NHỰA BITUM			
100	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005; AASHTO T49; ASTM D5-97	- Thiết bị xuyên kim; Cốc đựng mẫu; Bể ổn nhiệt; Đồng hồ đo thời gian; Nhiệt kế	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung
101	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005; AASHTO T51; ASTM D36-00	- Khuôn; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế	
102	Xác định độ hoá mềm (phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005; AASHTO T53-96; ASTM D36-00	- Vòng; Tấm lót; Bi; Vòng dẫn hướng; Bình; Khung treo; Nhiệt kế	
103	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005; AASHTO T48-96; ASTM D92-02b	- Thiết bị cốc hờ; Dụng cụ đo nhiệt độ; Ngọn lửa thử	
104	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163 °C trong 5h	TCVN 7499:2005; AASHTO T179-96; ASTM D6-00	- Nhiệt kế; Cốc đựng mẫu; Tủ sấy; Giá quay	
105	Xác định độ nhớt động học và độ nhớt tuyệt	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-	- Nhớt kế; Nhiệt kế; Bể; Dụng cụ đo thời gian; Các dụng cụ	

	đổi	5:11; AASHTO T201; AASHTO T202; ASTM D2170-01a	điện tử đo thời gian		
106	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005; AASHTO T228; ASTM D70-03	- Tỷ trọng kế; Bể ổn nhiệt; Nhiệt kế; Vật liệu; Nước		
107	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005; AASHTO T182	- Dây buộc; Bình thủy tinh; Nước cất; Bếp đun; Nhiệt kế		
108	Xác định hàm lượng Paraphin	TCVN 7503:2005; DIN 52015; EN 12606-1:2000	- Tủ sấy; Nhiệt kế; Bình chưng cất; Vòng kim loại bảo vệ; Ống nghiệm; Bình Erlenmeyer; Bình lọc; Chai rửa thủy tinh; Bể làm lạnh; Phễu; Cân; Bình hút ẩm; Nồi sủ; Dụng cụ đo thời gian; Kẹp; Giấy lọc tròn		
109	Xác định lượng hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500:2023; AASHTO T44	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An thiết bị lọc; Cốc Gooch; Lưới sợi thủy tinh; Bình lọc; Ống lọc; Ống cao su hoặc Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An gá; Bình Erlenmeyer; Tủ sấy; Nhiệt kế; Cân; Bể ổn nhiệt		
110	Xác định hàm lượng chất thu được khi chưng cất	22 TCN 63:84	-Máy đo độ kim lún; Đồng hồ bấm giây; Nhiệt kế ; Hộp nhôm		
XIV	NƯỚC CHO BÊ TÔNG				
111	Xác định lượng cặn không tan	TCVN 4560:1988	- Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Phễu lọc; Giấy lọc không tro	- Lê Thanh Sáng Gai; - Đồng Văn Trụ; - Huỳnh Lê Thoại; - Thiên Sanh Ký; - Hồ Tuấn Trung	
112	Xác định độ pH	TCVN 6492:2011	- Bình mẫu; Thiết bị đo nhiệt độ; Nhiệt kế; Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2,		

			phường Bảo An cảm biến nhiệt độ		
113	Xác định hàm lượng muối hoà tan	TCVN4506:2012	- Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm; Phễu lọc; Giấy lọc không tro; Chén sứ		
114	Xác định hàm lượng ion Sunfat (SO ₄ ⁻)	TCVN 6200:1996	- Bình mẫu; Phễu lọc; Bình hút ẩm; Cân; Bát		
115	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 4565:88	- Bình nón; bình cầu; ống sinh hàn hồi lưu		
116	Xác định hàm lượng ion Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	- Bình mẫu; Phễu lọc; Bình hút ẩm; Cân; Bát		
XV	BỘT KHOÁNG TRONG BÊ TÔNG NHỰA				
117	Hình dáng bên ngoài	22 TCN 58:1984	- Kính lúp; Thùng đựng		
118	Xác định thành phần hạt	22 TCN 58:1984	- Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An sàng; Cân; Bát sứ; Bình đựng nước; Bình hút ẩm		
119	Lượng mất khi nung	22 TCN 58:1984	- Cân; Chén sứ; Tủ sấy; Lò nung; Bình hút ẩm		
120	Xác định khối lượng riêng	22 TCN 58:1984	- Bình tỷ trọng; Cân; Máy hút chân không; Bình để rửa; Nhiệt kế; Tủ sấy; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm; Dầu hỏa		
121	Xác định khối lượng thể tích và độ rỗng của Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An khoáng chất	22 TCN 58:1984	- Máy hút chân không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm		
122	Hệ số hao nước	22 TCN 58:1984	- Hộp nhôm; Tủ sấy; Cân		
123	Xác định hàm lượng chất hoà tan trong nước	22 TCN 58:1984	- Hộp nhôm; Tủ sấy; Cân		
124	Xác định khối	22 TCN 58:1984	- Máy hút chân		

	lượng riêng của hỗn hợp Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo Ant khoáng và nhựa đường		không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm		
125	Xác định thể tích và độ rỗng dư của hỗn hợp Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo Ant khoáng và nhựa đường	CN 58:1984	- Máy hút chân không; Bình tỷ trọng; Bình để rửa; Tủ sấy; Cân; Sàng; Bát sứ; Bình hút ẩm		
126	Độ trương nở thể tích của hỗn hợp Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo Ant khoáng và nhựa đường	22 TCN 58:1984	- Chậu đựng nước; Máy hút chân không; Cân; Nhiệt kế		
127	Chỉ số hàm lượng nhựa của Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo Ant khoáng	CN 58:1984	- Dụng cụ Vi ca; Bát sắt; Bát sứ;;Dầu AK 15; Dao thép		

3. Thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường (nếu có): (chỉ ghi thông tin Trạm thí nghiệm hiện trường trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa)

- Tên Trạm thí nghiệm hiện trường:.....

.....

- Địa chỉ đặt Trạm thí nghiệm hiện trường:

.....

- Điện thoại:

- Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng tại Trạm thí nghiệm hiện trường

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

4. Thông tin về Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

T T	Tên Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Hồ sơ về nguồn gốc, xuất xứ	Hồ sơ về chứng nhận, kiểm định đảm bảo điều kiện hoạt động	Địa điểm đặt máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Máy thử vụn năng: (kéo, nén, uốn) Model: WE-1000B Ba thang lực 200, 500, 1000KN, hiển thị đồng hồ kim, độ chính xác cấp 1, đóng mở má kẹp bằng thủy lực (thiết bị đồng Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An)	Wuxi New Luda Trung Quốc	Số 09.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
2	Bơm chân không (bao gồm bơm, đồng hồ chỉ thị áp suất chân không, ống cao su và bình hút) model: 2ZX-1	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
3	Máy khoan bê tông, model: HZ-15B, động cơ xăng 5,5HP	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
4	Mũi khoan O 100	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
5	Bình tam giác 500ml	Trung Quốc		Phòng Las-XD

				1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
6	Bình tam giác 1000ml	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
7	Pipet 10ml	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
8	Phễu thủy tinh o 50, và o 100	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
9	Bình tỷ trọng 100ml	Nam Kinh Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
10	Tấm kính nhám	Liên doanh		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
11	Tấm kính kỹ thuật	Liên doanh		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
12	Cối đầm Proctor cải tiến	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
13	Cối chày sứ	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
14	Súng kiểm tra cường độ bê tông	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường

			Số 07.070.25 Ngày 25/6/2025	Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
15	Thiết bị thử độ kim lún, model: LZY-50	Trung Quốc	Số 12.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
16	Dụng cụ xác định độ hóa mềm nhựa LRH-1	Trung Quốc	Số 13.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
17	Thiết bị dùng cho Gạch đất sét nung và Gạch Block, Phòng Las- XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An má ép, KT: (120x60)mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
18	Bộ kim Vika, model: E055N	Matest-Italy		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
19	Thiết bị Casagrande	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
20	Phễu rót cát (bap gồm: tấm đế, búa, đục thép, búa cao su)	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
21	Bộ dao đại lấy mẫu hiện trường theo ASTM	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
22	Bộ đo độ nhám mặt đường bằng phương pháp rót cát	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
23	Cân điện tử 600.0,01g model:JJ 600	Trung Quốc	Số 08.070.25	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất,

			Ngày 25/6/2025	thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
24	Cân thủy tĩnh 5kg.0,1, model: MP-501 (bao gồm: bàn cân, rọ cân)	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
25	Cân điện tử CBK 16kg.1g	Trung Quốc	Số 05.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
26	Thùng thử độ bụi, bùn sét của cát, đá	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
27	Bảng so màu	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
28	Máy nén Marshall, Gá nén Marshall 2 nửa	Việt Nam	Số 03.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
29	Máy cắt	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
30	Kích thủy lực	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
31	Bộ chia mẫu	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
32	Thùng chưng hấp mẫu model: E064	Matest-Italy		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2,

				phường Bảo An
33	Bếp cách cát	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
34	Máy cắt đất, model: ZJ Tải trọng đứng max: 400Kpa Cấp áp lực: 50, 100, 200, 400Kpa	Nhà máy thiết bị đất Nam Kinh Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
35	Khuôn vữa 4x4x16mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
36	Kol thử độ xốp của cát	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
37	Kol thử độ xốp của đá	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
38	Bộ sàng cát D200mm (theo TC Việt Nam)	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
39	Bộ sàng đá D300mm (theo TC Việt Nam)	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
40	Bộ sàng bê tông nhựa O 200mm (13 cỡ sàng kèm đáy+nắp)	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
41	Máy mài mòn Los Angeles, hiển thị số (thiết bị đồng bộ)	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An

42	Thùng định lượng tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 10, 20l	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
43	Khuôn 150x150x150mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
44	Khuôn trụ 150x300mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
45	Khuôn 200x200mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
46	Khuôn 10x10x10mm	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
47	Khay phơi mẫu inox 30x40mm	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
48	Thước kẹp đo hạt thoi dẹt	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
49	Cần Benkenman	Việt Nam	Số 01.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
50	Thiết bị ép tĩnh nền đường	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
51	Thước kiểm tra độ bằng phẳng 3m	Việt Nam		Phòng Las-XD

	(đồng bộ)			1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
52	Đồng hồ so 10mm-0.01	Trung Quốc	Số 10.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
53	Tủ sắt nhiệt độ tối đa 300C, model: 101-2A	Trung Quốc	Số 01.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
54	Máy đầm nén Marshall, model: HMD-1	Nam Kinh Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
55	Máy nén đất tam liên, model: WG Diện tích mẫu thử: 30cm ² , 50cm ² Phạm vi áp lực: 12.5-800Kpa, 12.5- 400Kpa	Nhà máy thiết bị đất Nam Kinh Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
56	Máy nén TYE-2000	Trung Quốc	Số 11.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
57	Máy trộn vữa xi măng, model: E095-03	Matest-Italy		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
58	Khuôn Le Chatelier, model: E066	Matest-Italy		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
59	Thiết bị dẫn vữa, model: E090-01	Matest-Italy		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
60	Máy dẫn tạo mẫu xi măng, model:	model:		

	E130	E090-01		
61	Máy nén CBR + cung lực 50KN	Việt Nam	Số 02.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
62	Khuôm CBR	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
63	Tấm giãn cách	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
64	Giấy lọc	Trung Quốc		Tờ
65	Nhiệt kế loại 0 – 250	Hàn Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
66	Thước lá L=500mm	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
67	Máy quay li tâm, model: SLF-400	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
68	Tỷ trọng kế	Pháp		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
69	Cối đầm Proctor tiêu chuẩn	Trung Quốc		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An

70	Khuôn tạo mẫu Marshall	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
71	Kích thủy lực	Trung Quốc	Số 04.070.25 Ngày 25/6/2025	Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An
72	Máy trộn bê tông	Việt Nam		Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An

5. Thông tin năng lực của Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm tại Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng/Trạm thí nghiệm hiện trường:

TT	Tên Thí nghiệm viên	Mã số định danh cá nhân	Hồ sơ về trình độ chuyên môn, chuyên ngành được đào tạo	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	
1	Lê Thanh Sáng Gai	058081000698	- Kỹ sư Thủy lợi - Trung cấp giao thông - Chứng chỉ Giám sát thi công xây dựng công trình NN&PTNT; giao thông (Đường Phòng Las-XD 1075; Đường Thống Nhất, thôn Tân Sơn 2, phường Bảo An) - Chứng nhận chuyên ngành Quản lý phòng thí nghiệm - Chứng chỉ thí nghiệm xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	
2	Phạm Thị Ngọc Hương	058185006988	- Trung cấp xây dựng, kế toán doanh nghiệp	

3	Đồng Văn Trụ	058086000388	- Kỹ sư xây dựng - Chứng nhận chuyên ngành Quản lý phòng thí nghiệm - Chứng chỉ thí nghiệm xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường - Chứng chỉ thí nghiệm vật liệu kim loại và mối hàn	
4	Thiên Sanh Ký	058085001951	- Kỹ sư Xây dựng DD&CN - Chứng chỉ Giám sát thi công xây dựng công trình DD&CN; HTKT; giao thông; NN&PTNT (thủy lợi); - Chứng chỉ thí nghiệm xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	
5	Huỳnh Lê Thoại	058097005057	- Kỹ sư ngành Kinh tế Xây dựng - Chứng chỉ thí nghiệm xác định tính chất cơ lý của bê tông và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường	
6	Hồ Tuấn Trung		- Trung cấp giao thông - Bằng nghề thí nghiệm kiểm tra chất lượng đường ô tô	

Công ty TNHH Xây dựng Thiên Long Ninh Thuận chịu trách trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH
XÂY DỰNG**



(Ký tên, đóng dấu)

Lê Thanh Săng Gai